Cơ quan: UBND tỉnh Quảng Bình
Giờ ký: 17/08/2021 09:39:41

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1563/KH-UBND	*Quảng Bình, ngày 16 tháng 8 năm 2021*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Quyết định số 781/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1100/BNN-VPĐP ngày 24/02/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2021; Quyết định số 3989/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ vào tình hình thực tiễn triển khai chương trình OCOP giai đoạn 2018 - 2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030, xác định rõ các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2021 - 2025 để triển khai thực hiện.

2. Yêu cầu

- Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong phát triển kinh tế khu vực nông thôn và xây dựng nông thôn mới; ưu tiên đưa nội dung triển khai chương trình OCOP giai đoạn 2021 - 2025 thành nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị để chủ động thực hiện có hiệu quả.

- Phát triển các sản phẩm OCOP theo đúng mục tiêu, tiêu chí của Chương trình OCOP đã được quy định.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí ngân sách địa phương và chỉ đạo tốt công tác lồng ghép nguồn lực từ các chương trình dự án khác trên địa bàn để thực hiện có hiệu quả chương trình OCOP. Tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm OCOP.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chương trình OCOP, góp phần cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp gắn với các ngành nghề, dịch vụ có lợi thế nhằm phát triển kinh tế khu vực nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, phát huy sự tham gia của hệ thống chính trị, các ngành, các cấp và cộng đồng, đặc biệt là vai trò của cấp xã trong triển khai Chương trình OCOP; tăng cường ứng dụng chuyển đổi số; đẩy mạnh thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị; phát triển sản phẩm OCOP gắn với khai thác các lợi thế về nguyên liệu địa phương, bảo tồn các giá trị văn hoá, cảnh quan và môi trường nông thôn; tạo việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo và an sinh xã hội ở khu vực nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tổ chức đánh giá, phân hạng thêm 65-70 sản phẩm, trong đó phấn đấu có 1-3 sản phẩm đạt 5 sao, 3 - 5 sản phẩm đạt 4 sao; 45 - 50 sản phẩm đạt 3 sao.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cấp và tiêu chuẩn hoá 20% sản phẩm OCOP đã được đánh giá, phân hạng.

- Củng cố, hoàn thiện các tổ chức kinh tế tham gia chương trình OCOP, chú trọng thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Phấn đấu ít nhất có 40% chủ thể OCOP là Hợp tác xã và 20% là các doanh nghiệp.

- Đào tạo, tập huấn kiến thức chuyên môn cho 100% cán bộ thực hiện Chương trình OCOP cấp huyện, xã.

- Tập huấn nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, phát triển sản phẩm cho 100% cơ sở sản xuất tham gia Chương trình OCOP.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm OCOP trong nước và quốc tế. Hàng năm tổ chức tham gia các hội nghị xúc tiến thương mại, phát triển thị trường sản phẩm OCOP trong và ngoài nước. Phấn đấu đến năm 2025 toàn tỉnh có 01 điểm bán hàng, giới thiệu sản phẩm OCOP cấp tỉnh, mỗi huyện, thị xã, thành phố có 01 điểm bán hàng, giới thiệu sản phẩm OCOP cấp huyện.

III. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ

1. Tổ chức sản xuất gắn với quy hoạch và phát triển vùng nguyên liệu đặc trưng tại địa phương

Tổ chức sản xuất gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu, dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, văn hóa, tập quán sản xuất của người dân. Phát triển sản

phẩm OCOP gắn với xây dựng vùng nguyên liệu nông sản, theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ nhằm gia tăng số lượng, doanh thu sản phẩm, số lao động nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường; đảm bảo an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Chú trọng liên kết sản xuất, liên kết giữa khả năng truy xuất nguồn nguyên liệu giữa chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP với các vùng nguyên liệu nhằm phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Chuẩn hóa và phát triển sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị, phù hợp với lợi thế về điều kiện sản xuất và nhu cầu thị trường

a) Đẩy mạnh chuẩn hóa sản phẩm gắn với lợi thế và điều kiện của từng địa phương, gồm:

- Các sản phẩm đặc trưng, mang tính quê hương, sản phẩm truyền thống gắn với lợi thế về điều kiện sản xuất, giá trị văn hóa địa phương, đặc biệt là sản phẩm đã có thương hiệu, sản phẩm của các làng nghề, sản phẩm phục vụ du lịch.

- Các sản phẩm mới được hình thành dựa trên nền tảng lợi thế của địa phương, có chất lượng nổi trội, đặc sắc. Trong đó ưu tiên: (1) Sản phẩm được chế biến, chế biến sâu từ sản phẩm đặc sản, nguyên liệu địa phương và tri thức bản địa nhằm nâng cao giá trị sản phẩm; (2) Sản phẩm ngành nghề truyền thống, sản phẩm có đóng góp vào bảo tồn các giá trị văn hóa.

b) Phát triển sản phẩm OCOP theo 6 nhóm, ưu tiên các sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ đặc sắc, truyền thống và có lợi thế ở mỗi địa phương, theo hướng phát huy nội lực (trí tuệ sáng tạo, lao động, nguyên liệu, văn hóa địa phương...), gia tăng giá trị, gắn với phát triển cộng đồng:

- Đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới, hoàn thiện công nghệ, quy trình sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm OCOP.

- Sản xuất theo quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, an toàn thực phẩm, hình thành các sản phẩm OCOP đặc trưng, chất lượng và an toàn, thân thiện với môi trường, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

- Xây dựng các mô hình dịch vụ du lịch trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn gắn với vùng nguyên liệu, sản phẩm OCOP đặc trưng theo vùng, miền.

c) Nâng cấp và hoàn thiện sản phẩm:

- Sản phẩm đã được đánh giá, phân hạng: Tiếp tục hỗ trợ các chủ thể kinh tế nâng cấp, hoàn thiện về sản phẩm, tập trung vào đổi mới và cải thiện công nghệ, quy trình kỹ thuật; mở rộng vùng nguyên liệu tại địa phương; quản lý và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc; hoàn thiện bao bì, nhãn mác theo quy định và phù hợp với yêu cầu của thị trường; sử dụng và khai thác hiệu quả thương hiệu cộng đồng.

- Sản phẩm tiềm năng: Tập trung rà soát, lựa chọn sản phẩm gắn với lợi thế, thế mạnh của địa phương, ưu tiên các ý tưởng sản phẩm mới trên cơ sở ứng

dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là sản phẩm chế biến, chế biến sâu, sản phẩm truyền thống; hỗ trợ xây dựng và triển khai phương án sản xuất kinh doanh để phát triển sản phẩm hàng hóa theo chuỗi giá trị; tổ chức sản xuất gắn với vùng nguyên liệu địa phương; hỗ trợ cơ sở hạ tầng nhà xưởng, máy móc, thiết bị chế biến sản phẩm, đặc biệt là năng lực chế biến quy mô nhỏ và vừa phù hợp với điều kiện của địa phương; hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý chất lượng; xây dựng bao bì, nhãn mác, đăng ký sở hữu trí tuệ; đào tạo nghề cho lao động tại địa phương; hỗ trợ chủ thể tiếp cận tín dụng, ứng dụng khoa học công nghệ.

d) Nâng cao năng lực cho chủ thể kinh tế về kỹ năng quản trị; đổi mới, sáng tạo sản phẩm; quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm; kỹ năng về thiết kế bao bì, ghi nhãn và mẫu mã sản phẩm; kiến thức về sở hữu trí tuệ; truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị; tăng cường sử dụng và khai thác thương hiệu cộng đồng các sản phẩm từ khu vực nông thôn.

3. Triển khai thực hiện chu trình OCOP thường niên

Triển khai thực hiện chu trình OCOP thường niên 6 bước theo hướng dẫn tại Công văn số 6384/BNN-VPĐP ngày 15/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn triển khai một số nội dung thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Cụ thể: (1) Tuyên truyền, hướng dẫn về OCOP; (2) Nhận ý tưởng sản phẩm; (3) Nhận phương án sản xuất kinh doanh; (4) Triển khai phương án kinh doanh; (5) Đánh giá và phân hạng sản phẩm; (6) Xúc tiến thương mại. Việc triển khai thực hiện chu trình OCOP phải phù hợp với điều kiện của từng địa phương để phát huy các điều kiện về nguyên liệu, nguồn lao động, chất lượng sản phẩm; triển khai chu trình OCOP gắn với kế hoạch, nhiệm vụ hàng năm (phát triển tổ chức sản xuất, nâng cao chất lượng, xúc tiến thương mại…).

4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn, các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu sản phẩm OCOP

a) Tiếp tục nâng cao năng lực cho cán bộ, hệ thống triển khai Chương trình OCOP từ tỉnh đến huyện, xã, gắn với bộ tài liệu, tập huấn chương trình phù hợp đối tượng và nhu cầu thực tiễn. Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về quản trị, marketing cho cán bộ quản lý, điều hành của các doanh nghiệp, HTX, các cơ sở/hộ sản xuất; đào tạo lao động gắn với nhu cầu sản xuất sản phẩm OCOP. Nội dung chương trình đào tạo, tập huấn cơ bản theo Khung đào tạo Chương trình OCOP quy định tại Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ và điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với thực tiễn triển khai chương trình của tỉnh.

b) Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu sản phẩm OCOP thông qua các hội chợ, triển lãm sản phẩm OCOP cấp quốc gia, cấp vùng, tỉnh. Tạo điều kiện cho các chủ thể kinh tế, hộ sản xuất tham gia hội

chợ làng nghề, đặc sản vùng miền, các hội chợ trong và ngoài tỉnh để quảng bá, giới thiệu các sản phẩm OCOP. Triển khai xây dựng các điểm, trung tâm quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm OCOP cấp huyện. Hỗ trợ các chủ thể kinh tế (doanh nghiệp, hợp tác xã) xây dựng hệ thống, điểm giới thiệu bán sản phẩm OCOP tại các địa phương; đẩy mạnh việc ứng dụng thương mại điện tử, tham gia chương trình giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm thông qua các sàn giao dịch điện tử, mạng internet, các ứng dụng bán hàng trực tuyến... nhằm từng bước thiết lập hệ thống phân phối sản phẩm OCOP đến với người tiêu dùng. Triển khai in ấn cẩm nang sản phẩm OCOP giai đoạn 2018 - 2020 nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP đến người tiêu dùng.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chu trình OCOP thường niên; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong Chương trình OCOP

- Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thường niên, khuyến khích các địa phương áp dụng công nghệ trong tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (số hóa hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục và hồ sơ...); đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, giám sát việc áp dụng chính sách, quy định về đánh giá, phân hạng sản phẩm ở các địa phương, duy trì điều kiện sản xuất của các chủ thể và chất lượng sản phẩm OCOP sau khi được đánh giá, công nhận.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong Chương trình OCOP; xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm; số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị, gắn với giám sát - chứng thực của công tác quản lý nhà nước; hướng tới hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu về chương trình OCOP; thúc đẩy phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm OCOP, hình thành các sàn thương mại điện tử quy mô lớn, các kênh bán hàng trực tuyến (online), bán hàng tương tác trực tiếp (livestream), đặc biệt cho các sản phẩm có quy mô nhỏ, sản phẩm đặc sản địa phương.

6. Xây dựng và triển khai các dự án thành phần trong Chương trình OCOP

Giai đoạn 2021 - 2025, tập trung xây dựng và triển khai các dự án:

- Dự án thí điểm mô hình phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với vùng nguyên liệu địa phương theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ tại một số vùng có điều kiện phù hợp.

- Dự án nâng cao năng lực sơ chế và chế biến quy mô vừa và nhỏ cho các chủ thể OCOP.

- Dự án thí điểm mô hình sản phẩm OCOP theo nhóm sản phẩm về dịch vụ du lịch cộng đồng.

- Dự án xây dựng hệ thống điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP cấp tỉnh, huyện.

- Dự án ứng dụng chuyển đổi số/số hoá trong chương trình OCOP.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình OCOP giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến: 89.900 triệu đồng, trong đó:

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ dự kiến: **22.600 triệu đồng** (Hai mươi hai tỷ, sáu trăm triệu đồng). Nguồn vốn triển khai thực hiện Kế hoạch bao gồm nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ, nguồn khuyến công, khuyến nông, chính sách nông nghiệp, nguồn vốn lồng ghép khác. Dự kiến phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

- Năm 2021: 2.900 triệu đồng.
- Năm 2022: 4.300 triệu đồng.
- Năm 2023: 4.800 triệu đồng.
- Năm 2024: 5.100 triệu đồng.
- Năm 2025: 5.500 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Nguồn vốn huy động của các chủ thể kinh tế (vốn của doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất tự huy động, vốn vay từ các tổ chức tín dụng, các quỹ đầu tư, quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, các nguồn khác…): **67.300 triệu đồng**.

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo điều hành của bộ máy chính quyền địa phương trong triển khai thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp về thực hiện Chương trình OCOP; rà soát bố trí số lượng cán bộ có năng lực, tâm huyết phụ trách tham mưu giúp việc Chương trình OCOP từ tỉnh đến cơ sở.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức thường xuyên, liên tục thông qua các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến cấp xã, thôn; gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng NTM để cán bộ, người dân, nhất là chủ thể sản xuất hiểu rõ lợi ích, tầm quan trọng, ý nghĩa và giá trị kinh tế khi tham gia thực hiện Chương trình OCOP. Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền qua hội nghị, hội thảo chuyên đề, diễn đàn trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, website OCOP tỉnh (https://ocop.quangbinh.gov.vn); đẩy mạnh tuyên truyền trên Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Bình, Báo Quảng Bình, bản tin nông nghiệp.

- Tập trung nâng cao nhận thức cho các tổ chức kinh tế khu vực nông thôn, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị phân phối, người tiêu dùng thông qua các hội nghị triển khai Chương trình OCOP; khuyến khích, hỗ trợ xây dựng quà tặng sản phẩm OCOP gắn với lịch sử văn hóa của vùng miền và địa phương.

2. Tiếp tục củng cố hệ thống quản lý thực hiện Chương trình OCOP cấp tỉnh, huyện, xã

Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý thực hiện Chương trình OCOP cấp tỉnh, huyện, xã đã được phê duyệt tại Quyết định số 3989/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030. Điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ triển khai Chương trình OCOP phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, gắn với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Trường hợp có thay đổi thì UBND cấp huyện có thông báo bằng văn bản gửi cơ quan tham mưu thực hiện Chương trình OCOP tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT).

3. Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ triển khai Chương trình

- Các sở, ngành, địa phương liên quan vận dụng cơ chế chính sách hiện có về phát triển nông nghiệp, nông thôn như: Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 55/2015/NĐ-TTg ngày 9/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 về Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị Quyết số 59/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và các chính sách khác về phát triển sản xuất, du lịch, khoa học công nghệ, khuyến nông, khuyến công, xúc tiến thương mại theo quy định để triển khai hỗ trợ Chương trình.

- Căn cứ tình hình thực tế, UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách phù hợp để hỗ trợ lãi suất tín dụng; hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ; hỗ trợ đào tạo nhân lực, đào tạo nghề; phát triển chuỗi giá trị, vùng nguyên liệu địa phương; xúc tiến thương mại, cơ chế khen thưởng đối với các chủ thể OCOP hàng năm, sơ kết và tổng kết chương trình.

4. Giải pháp về khoa học công nghệ

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới, hoàn thiện công nghệ chế biến quy mô nhỏ và vừa cho các sản phẩm OCOP nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm OCOP, đặc biệt là các sản phẩm đã được công

nhận đạt sao; tăng cường chuyển giao ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, các trang thiết bị phục vụ kết nối thị trường, truy xuất nguồn gốc, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin; khoa học xã hội trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch nông thôn, bảo tồn giá trị văn hóa của địa phương; Áp dụng các giải pháp về bảo hộ sở hữu trí tuệ, thương hiệu cộng đồng (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận), khai thác hiệu quả giá trị tài sản trí tuệ đối với sản phẩm OCOP, đặc biệt là các sản phẩm OCOP cấp tỉnh, cấp quốc gia.

5. Huy động nguồn lực

Ưu tiên huy động nguồn lực (như: vốn, đất đai, sức lao động, nguyên vật liệu, công nghệ,...) của các tổ chức kinh tế, cộng đồng bằng các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Phương pháp huy động nguồn lực từ tổ chức kinh tế, cộng đồng được triển khai phù hợp với các quy định của pháp luật, được huy động trong quá trình hình thành các tổ chức kinh tế, dưới dạng góp vốn, triển khai các hoạt động theo Chu trình OCOP thường niên. Lồng ghép hiệu quả các Chương trình/Đề án, Kế hoạch liên quan của ngành, địa phương để hỗ trợ các tổ chức kinh tế trong quá trình triển khai thực hiện.

6. Tăng cường vai trò của cộng đồng trong phát triển sản phẩm OCOP

Nâng cao vai trò của các Hội/Hiệp hội (như Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân...) trong triển khai Chương trình OCOP, khai thác và phát triển sản phẩm của địa phương gắn với bảo tồn sản phẩm, kỹ năng truyền thống, danh tiếng của cộng đồng; Đẩy mạnh sự giám sát của cộng đồng về sản phẩm, chất lượng sản phẩm, phát triển vùng nguyên liệu, duy trì sự đặc sắc, nét văn hóa của các sản phẩm địa phương; thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP, phát triển vùng sản xuất nguyên liệu, sử dụng lao động địa phương.

7. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế

Khuyến khích, kêu gọi sự hỗ trợ về kỹ thuật, nguồn lực triển khai của các tổ chức trong nước và quốc tế trong các lĩnh vực chuyển đổi số; phát triển sản phẩm OCOP; phát triển OCOP xanh theo hướng gắn với bảo tồn và phát triển bền vững (rừng, môi trường, cảnh quan...); nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ phát triển và quảng bá sản phẩm OCOP trong và ngoài nước. Tham gia các sự kiện, diễn đàn OCOP trong nước và quốc tế để mở rộng thị trường, quảng bá, giới thiệu sản phẩm của tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan thường trực của Chương trình; chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Chương trình OCOP theo giai đoạn và hàng năm. Chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và triển khai Chương trình OCOP ở cấp huyện.

- Trên cơ sở các cơ chế, chính sách hiện có của Chương trình, căn cứ tình hình thực tế tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình OCOP giai đoạn 2021 - 2025, trong đó tập trung vào một số nội dung chính như: Tuyên truyền; tập huấn; hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; phát triển chuỗi giá trị, vùng nguyên liệu địa phương; thiết kế, in ấn bao bì nhãn mác, truy xuất nguồn gốc; xúc tiến thương mại…

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn về Chương trình OCOP. Hướng dẫn các địa phương trong việc xác định sản phẩm, nhóm sản phẩm tiềm năng, có lợi thế hỗ trợ xây dựng, phát triển, nâng cấp các sản phẩm OCOP và xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP;

- Tham mưu thành lập Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh; tham mưu tổ chức đánh giá, phân hạng và công nhận sản phẩm OCOP hàng năm.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chương trình OCOP ở địa phương; Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện, tổng hợp, báo cáo các Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, hướng dẫn, hỗ trợ các nhóm hộ, tổ sản xuất, hộ sản xuất kinh doanh thành lập HTX, doanh nghiệp tham gia Chương trình OCOP. Lồng ghép có hiệu quả chính sách khởi nghiệp doanh nghiệp của tỉnh với Chương trình OCOP.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh bố trí, lồng ghép các nguồn kinh phí để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình OCOP theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành định mức khen thưởng đối với các sản phẩm OCOP được công nhận.

4. Sở Công Thương

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, trung tâm thương mại, siêu thị, điểm bán hàng Việt hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh; kêu gọi các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP tham gia các hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu trong và ngoài tỉnh.

- Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan tham gia đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hỗ trợ các tổ chức kinh tế trong thiết kế sản phẩm; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong phát triển sản xuất sản phẩm thuộc Chương trình OCOP. Tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ hàng năm liên quan đến phát triển sản phẩm OCOP trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện

- Xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ, hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong Chương trình OCOP;

- Hỗ trợ các địa phương và các tổ chức kinh tế về ghi nhãn hàng hóa, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, xây dựng tiêu chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến; xác lập và thực thi quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn định hướng phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP.

- Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan tham gia đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

6. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hỗ trợ các chủ thể kinh tế thực hiện và tuân thủ các yêu cầu về an toàn thực phẩm; đăng ký công bố chất lượng sản phẩm trong sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP.

- Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan tham gia đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

7. Sở Du lịch

- Phát triển các sản phẩm du lịch gắn với nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, các mô hình Làng Văn hóa du lịch; đầu tư phát triển hạ tầng du lịch; đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch, liên kết phát triển du lịch vùng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch, thu hút các nhà đầu tư lớn về du lịch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hỗ trợ các tổ chức kinh tế, nhóm cộng đồng nghiên cứu phát triển, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với Chương trình OCOP trên cơ sở phát huy thế mạnh về danh lam thắng cảnh, truyền thống văn hóa của các vùng, miền.

- Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan tham gia đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Chương trình OCOP; thường xuyên đăng tải các tin, bài, phóng sự, nêu gương điển hình các tổ chức, cá nhân trong thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT

tăng cường chuyển đổi số trong Chương trình OCOP; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, giám sát và quản lý sản phẩm OCOP.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị, địa phương kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động/chủ thể OCOP; hướng dẫn đánh giá nội dung về bảo vệ môi trường khi xem xét, công nhận sản phẩm OCOP.

- Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ngành liên quan tham gia đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

10. Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh

Phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư tham mưu phân bổ kinh phí của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho Chương trình OCOP; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lồng ghép triển khai các hoạt động của Chương trình OCOP trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

11. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, cụ thể hóa các nhiệm vụ của Chương trình gắn với ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

12. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Quảng Bình

Chỉ đạo, hướng dẫn các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất tiếp cận nguồn vốn vay để tổ chức sản xuất; chương trình tín dụng chính sách xã hội hỗ trợ phát triển sản xuất và mở rộng đối tượng cho vay để phát triển Chương trình OCOP trên địa bàn khó khăn.

13. Liên minh hợp tác xã tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Bình, Báo Quảng Bình; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp

Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ đoàn viên, hội viên, thành viên tích cực tham gia Chương trình OCOP, tư vấn và phối hợp với sở, ngành thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Chương trình.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Quán triệt triển khai thực hiện Kế hoạch này và nhiệm vụ được giao tại Công văn số 780/VPUBND-KT ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh về tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình OCOP năm 2021, trong đó các huyện, thị xã, thành phố hoàn thành việc đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp huyện trước ngày **30/9** hàng năm.

- Căn cứ nội dung Kế hoạch triển khai Chương trình OCOP tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, tùy điều kiện, đặc điểm cụ thể, chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP cấp huyện hàng năm và giai

đoạn theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, trong đó tập trung ưu tiên phát triển các sản phẩm đặc sản, sản phẩm truyền thống gắn với lợi thế về điều kiện sản xuất, văn hóa của địa phương, đặc biệt là sản phẩm làng nghề, sản phẩm phục vụ du lịch.

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho phòng, ban liên quan; củng cố, kiện toàn cơ quan thường trực tham mưu, giúp việc triển khai Chương trình ở cấp huyện, xã phù hợp và hiệu quả.

- Bố trí nguồn lực cần thiết từ ngân sách địa phương, sử dụng nguồn vốn thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025, lồng ghép các nguồn vốn các chương trình, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình OCOP.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, kết quả triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về cơ quan thường trực Chương trình OCOP tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT).

- Chỉ đạo, phân công, hướng dẫn UBND cấp xã tham gia vào các hoạt động của Chương trình, cụ thể: Chỉ đạo UBND xã phân công cán bộ phụ trách triển khai; chủ động tuyên truyền cho các tổ chức kinh tế, người dân về ý nghĩa, các chính sách hỗ trợ của Chương trình; tích cực hỗ trợ, tư vấn cho các tổ chức kinh tế chuẩn bị hồ sơ, tài liệu tham gia Chương trình OCOP.

- Cung cấp danh sách cán bộ chuyên trách thực hiện Chương trình OCOP cấp huyện, xã, gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Phát triển nông thôn) trước ngày 15/8/2021.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, đơn vị liên quan, các địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Bộ NN và PTNT (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;;
- Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Ngọc Lâm

PHỤ LỤC

Ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 1563/KH-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
			Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền
1	Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, XTTM			700		900		1.000		1.000		1.200
-	Tuyên truyền về OCOP			100		200		200		200		200
-	Đào tạo, tập huấn	Lớp	10	500	10	500	10	500	10	500	10	500
-	Hỗ trợ xúc tiến thương mại	Lượt	1	100	2	200	3	300	3	300	5	500
2	Tham quan học tập kinh nghiệm về Chương trình OCOP	Lượt			1	200			1	300		
3	Xây dựng cơ chế, chính sách triển khai thực hiện Chương trình					100						
4	Hỗ trợ nâng cấp và hoàn thiện sản phẩm (bao gồm sản phẩm đã tham gia đánh giá phân hạng và sản phẩm tiềm năng)			1.500		1.500		2.500		2.500		3.000
5	Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP			100		100		100		100		100
6	Triển khai các dự án thành phần			550		1.450		1.150		1.150		1.150
-	DA thí điểm mô hình phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với vùng nguyên liệu địa phương theo hướng SX hàng hoá tập trung, NN sạch, NN hữu cơ	DA			1	300						
-	Dự án nâng cao năng lực sơ chế và chế biến quy mô vừa và nhỏ cho các chủ thể OCOP	DA	1	500	1	500	1	500	1	500	1	500
-	Dự án thí điểm mô hình sản phẩm OCOP theo nhóm sản phẩm về dịch vụ du lịch cộng đồng	DA					1	200				
-	Dự án xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP cấp tỉnh, huyện;	DA			1	300	2	400	3	600	3	600
-	Dự án tăng cường chuyển đổi số/số hoá trong chương trình OCOP	DA			1	300						
7	Chi khác (hoạt động kiểm tra, giám sát cán bộ OCOP tỉnh, chi phí quản lý chung, chi đột xuất, tham gia hội nghị trung ương, tỉnh....)			50		50		50		50		50
	Tổng cộng			2.900		4.300		4.800		5.100		5.500